

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17-6-2024

V/v “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị TH1 Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Bích Liên;
- Ông Nguyễn Văn Đánh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố GC, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố GC tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024, về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85A/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn TH, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Tổ Dân phố L, thị trấn TT, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

Tạm trú: số 60/8 đường Lò Ô, khu phố NH 1, phường BA, thành phố DA, tỉnh Bình Dương. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng TH1, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: ấp TN, xã BX, thành phố GC, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Nguyễn Thị PH, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp TN, xã BX, thành phố GC, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

3.2/ Ông Trần Văn Đục B, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: ấp TN, xã BX, thành phố GC, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn Nguyễn Văn TH trình bày:*

Anh và chị Trần Thị Hồng TH1 đã ly hôn theo Quyết định công nhận TH1ận tình ly hôn số 84/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã GC (nay là thành phố GC), tỉnh Tiền Giang. Theo nội dung Quyết định thì về tài sản chung anh và chị Trần Thị Hồng TH1 tự thỏa TH1ận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do trước đó vào ngày 29/3/2023, anh và chị TH1 đã ký biên bản thoả thuận phân chia tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4, kết cấu vách tường, mái tole toạ lạc trên thửa đất số 659, tờ bản đồ 29 ở ấp TN, xã BX, thành phố GC theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11514 ngày 22/11/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị PH với nội dung: Chị TH1 đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho anh TH với số tiền là 200.000.000 đồng, thời gian thực hiện đến ngày 02/5/2023 là hoàn tất, chị TH1 sẽ được sở hữu căn nhà.

Tuy nhiên, từ ngày 02/5/2023, đến nay anh vẫn chưa nhận được số tiền 200.000.000 đồng theo thoả thuận giữa anh với chị TH1. Do đó, nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn theo kết quả định giá cụ thể như sau: Anh yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4, kết cấu vách tường, mái tole (cùng các công trình phụ) toạ lạc trên thửa đất số 659, tờ bản đồ 29 ở ấp TN, xã BX, thành phố GC với số tiền là 145.932.500 đồng. Yêu cầu thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng ý giao tài sản chung cho chị TH1 sở hữu.

Anh yêu cầu chia đôi chi phí tố tụng, mỗi người phải chịu 6.500.000 đồng.

** Tại đơn tường trình, quá trình tố tụng bị đơn là chị Trần Thị Hồng TH1 trình bày:*

Chị và anh TH đã ly hôn theo Quyết định công nhận TH1ận tình ly hôn số 84/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã GC (nay là thành phố GC), tỉnh Tiền Giang. Trong đơn xin ly hôn chị có ghi tài sản chung là 01 căn nhà có giá trị là 150.000.000 đồng nhưng anh TH yêu cầu chị ghi giá trị căn nhà là 400.000.000 đồng và chia cho anh 200.000.000 đồng anh mới đồng ý ký tên ly hôn. Vì vậy chị đã ghi Biên bản thoả thuận phân chia tài sản ngày 29/3/2023. Nay chị đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung theo kết quả định giá. Hiện căn nhà do chị đang quản lý, sử dụng.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn Đục B trình bày:*

Căn nhà của anh TH, chị TH1 nằm trên thửa đất số 659, tờ bản đồ 29 của vợ chồng ông (ông B là cha ruột của chị TH1), thửa đất này do bà Nguyễn Thị PH là vợ ông đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11514 ngày 22/11/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp, nhà là của anh TH, chị TH1 nên anh chị có quyền quyết định, ông không có ý kiến gì.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị PH trình bày:*

Phần đất mà anh TH, chị TH1 xây nhà ở là của vợ chồng bà (bà PH là mẹ ruột của chị TH1), vợ chồng bà chỉ cho cất nhà ở thôi chứ không tặng cho quyền sử dụng đất. Nhà của anh TH, chị TH1 thì anh chị quyết định, bà không có ý kiến.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh TH.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trần Thị Hồng TH1 có địa chỉ tại xã BX, thành phố GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự TH1ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh TH yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Chia tài sản sau khi ly hôn*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Thị Hồng TH1 vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Đức B, Nguyễn Thị PH có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung của anh Nguyễn Văn TH và chị Trần Thị Hồng TH1 tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, anh TH yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung bằng tiền với số tiền là 145.932.500 đồng, giao căn nhà cùng các công trình phụ cho chị TH1 sở hữu. Chị TH1 đồng ý chia đôi tài sản chung nhưng chị vắng mặt trong các buổi hoà giải và tại phiên tòa.

Mặc dù tại đơn khởi kiện anh TH yêu cầu được nhận số tiền chia tài sản chung là 200.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh TH thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu nhận số tiền 145.932.500 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của anh TH do không vượt quá phạm vi khởi kiện lúc ban đầu.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh TH Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong Quyết định công nhận TH1ận tình ly hôn số 84/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã GC (nay là thành phố GC), tỉnh Tiền Giang thì anh TH và chị TH1 tự thoả thuận về tài sản. Nay anh chị không thoả TH1ận được nên yêu cầu toà án giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình.

Anh Nguyễn Văn TH, chị Trần Thị Hồng TH1 và ông Trần Văn Đức B, bà Nguyễn Thị PH cùng thống nhất căn nhà cấp 4 diện tích 85m² có kết cấu cột bê tông, vách tường, một phần chưa tô trát, nền xi măng, mái tole cùng công trình: sân xi măng trước diện tích 13.20m²; sân xi măng phía sau diện tích 18.24m²; tường rào kết cấu trụ bê tông, tường xây gạch, chưa tô trát diện tích 17.71m²; nhà vệ sinh kết cấu vách tường ốp gạch ceramic, nền xi măng lót gạch ceramic, mái fibro xi măng diện tích 4m² trên thửa đất số 659, tờ bản đồ 29 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11514 ngày 22/11/2021 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị PH đứng tên là tài sản chung của anh TH và chị TH1 trong thời kỳ hôn nhân.

Qua kết quả định giá thể hiện tài sản chung của anh chị có giá trị là 291.865.000 đồng.

Trong đó: Nhà ở có giá trị là 274.033.200 đồng.

Sân xi măng phía trước có giá trị là 1.826.880 đồng.

Sân xi măng phía sau có giá trị là 2.524.416 đồng.

Tường rào có giá trị là 7.255.433 đồng.

Nhà vệ sinh có giá trị là 6.225.000 đồng.

Anh TH yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản chung là 145.932.500 đồng, giao tài sản chung cho chị TH1 sở hữu. Căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình thì yêu cầu của anh Nguyễn Văn TH là phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Anh TH, chị TH1 mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản chung nên căn cứ khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự anh TH, chị TH1 mỗi người phải chịu ½ chi phí tố tụng. Do anh TH đã tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng là 13.000.000 đồng nên chị TH1 phải trả lại cho anh TH số tiền 6.500.000 đồng.

[6] Về án phí: Anh TH, chị TH1 phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố GC, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 157, 165, 227, 228, khoản 1 Điều 244; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức TH1, miễn, giảm, TH1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn TH về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

1. Xác định căn nhà cấp 4 diện tích 85m² có kết cấu cột bê tông, vách tường, một phần chừa tô trát, nền xi măng, mái tole cùng công trình: sân xi măng trước diện tích 13.20m²; sân xi măng phía sau diện tích 18.24m²; tường rào kết cấu trụ bê tông, tường xây gạch, chừa tô trát diện tích 17.71m²; nhà vệ sinh kết cấu vách tường ốp gạch ceramic, nền xi măng lót gạch ceramic, mái fibro xi măng diện tích 4m² trên thửa đất số 659, tờ bản đồ 29 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11514 ngày 22/11/2021 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị PH đứng tên là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân có giá trị là 291.865.000 đồng.

2. Chia tài sản chung như sau:

2.1 Chị Trần Thị Hồng TH1 được sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 85m² có kết cấu cột bê tông, vách tường, một phần chừa tô trát, nền xi măng, mái tole cùng công trình: sân xi măng trước diện tích 13.20m²; sân xi măng phía sau diện tích 18.24m²; tường rào kết cấu trụ bê tông, tường xây gạch, chừa tô trát diện tích 17.71m²; nhà vệ sinh kết cấu vách tường ốp gạch ceramic, nền xi măng lót gạch ceramic, mái fibro xi măng diện tích 4m² trên thửa đất số 659, tờ bản đồ 29 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11514 ngày 22/11/2021 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị PH đứng tên.

2.2 Chị Trần Thị Hồng TH1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn TH số tiền chênh lệch là 145.932.500 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

3. Về chi phí tố tụng: Anh TH, chị TH1 mỗi người phải chịu 50% chi phí tố tụng. Anh TH đã nộp 13.000.000 đồng nên chị TH1 phải hoàn lại cho anh TH số tiền 6.500.000 đồng.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn TH phải chịu 7.296.625 đồng án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo biên lai TH1 số 0000608 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC (nay là thành phố GC), tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh TH phải nộp tiếp số tiền là 3.296.625 đồng.

Chị Trần Thị Hồng TH1 phải chịu 7.296.625 đồng án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND.TPGC;
- C.C THADS.TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị TH1 Thảo